

Bản án số: 137/2017/HSST

Ngày: 27/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Xet;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung, Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2017; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2017/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Phan Văn B, sinh năm 1993 tại Thanh Hóa; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; nghề nghiệp: Không; con ông Phan Văn H, sinh năm 1967 và bà Bùi Thị K, sinh năm 1965; bị cáo có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không. Ngày 14/3/2017 bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đỗ Thanh V - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1949;
2. Bà Cao Thị N, sinh năm 1957;
3. Bà Lê Thị L, sinh năm 1986;

4. Cháu Nguyễn Minh K, sinh năm 2005;

5. Cháu Nguyễn Lê V, sinh năm 2013.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Minh K và Nguyễn Lê V là bà Lê Thị L (mẹ đẻ).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bà Cao Thị N và bà Lê Thị L cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn M (theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2016); có mặt.

2. Ông Cao Văn Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị K, sinh năm 1955, nơi thường trú: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn B không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định của Luật Giao thông đường bộ. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 16/01/2016, B điều khiển xe mô tô biển số 36K5-002.42 lưu thông trên đường ĐT 747B từ hướng ngã tư Lô 349 về hướng ngã tư vòng xoay cây xăng K. Khi đến đoạn đường thuộc Khu phố 7, phường U, B điều khiển xe mô tô biển số 36K5-002.42 chạy lấn sang phần đường dành cho xe ngược chiều và cùng thời điểm này hướng ngược chiều có xe mô tô biển số 69NH-0638 do ông Cao Văn Đ điều khiển chở ông Nguyễn Văn Q phía sau chạy đến nên xe 36K5-002.42 do B điều khiển va chạm vào xe mô tô biển số 69NH-0638 do ông Đ điều khiển, gây tai nạn giao thông. Hậu quả vụ tai nạn: Ông Q chết tại Bệnh viện Đa khoa thị xã T, ông Đ và B bị thương tích, 02 xe mô tô bị hư hỏng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường thể hiện: Đoạn đường nhựa bằng phẳng mặt đường rộng 08 mét trên mặt đường không có vạch sơn trắng, hai mép đường là hai phân đất và cát. Xe mô tô biển số 36K5-002.42 sau tai nạn ngã sang trái trên phần đất trong mép đường phải đầu hướng vòng xoay K, đuôi xe quay về hướng ngã tư Lô 349, trục bánh trước cách lề chuẩn là 1m70. Vị trí điểm đụng giữa xe mô tô biển số 36K5-002.42 và xe mô tô biển số 69NH-0638, cách lề chuẩn là 1m40 theo chiều hướng vòng xoay K về ngã tư Lô 349 (xe 36K5-002.42 lấn trái 2m60), đo đến trục bánh trước xe mô tô biển số 69NH-0638 là 0,9m, đo đến trục sau xe mô tô biển số 36K5-002.42 là 3m90.

Tại Kết luận giám định pháp y số 451 ngày 24/01/2016 của Trung Tâm Pháp y tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyên nhân chết của Nguyễn Văn Q là do chấn thương sọ não, dập não.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 92/2017/GĐPY ngày 11/4/2017 của Trung Tâm Pháp y tỉnh Bình Dương kết luận: Cao Văn Đ bị thương tích 28%.

Cáo trạng số 115/QĐ-KSĐT ngày 24/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Phan Văn B về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Điểm a Khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phan Văn B phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”;

- Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 202; Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn B từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Trả lại cho bị cáo Phan Văn B 01 xe mô tô biển số 36K5-002.42, số máy 5C6K122164, số khung DY122164 do Phan Văn B đứng tên trong giấy đăng ký xe;

- + Trả lại cho ông Cao Văn Đ: 01 (một) xe mô tô biển số 69NH-0638, số máy VLFNB050A0106411, số khung A1006411 do ông Trần Văn M đứng tên trong giấy đăng ký xe.

- Về trách nhiệm dân sự:

- + Người bị hại ông Cao Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Ngày 27/9/2017 bị cáo đã giao cho ông Đ số tiền 5.000.000 đồng, số tiền 10.000.000 đồng còn lại hai bên thỏa thuận khấu trừ vào số tiền Phan Văn B đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2013/01973 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, phù hợp với Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận;

- + Ông Nguyễn Văn M là người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 150.000.000 đồng; bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của người bị hại. Hai bên thỏa thuận khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) Phan Văn B đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2013/01983 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Bị cáo B còn phải bồi thường cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Q số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, phù hợp với Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn B thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 115/QĐ-KSĐT ngày 24/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T và trình bày về hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên và xin nhận lại xe mô tô

biển số 36K5-002.42, số máy 5C6K122164, số khung DY122164 do Phan Văn B đứng tên trong giấy đăng ký xe để gia đình có phương tiện đi lại.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh và điều khoản theo nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về phần hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là quá nặng vì khi luận tội Kiểm sát viên chưa nêu tình tiết về việc người bị hại khi điều khiển xe cũng đã uống rượu bia (điều này đã được xác định nồng độ cồn của người bị hại trong hồ sơ). Sau tai nạn, bị cáo cũng bị thương rất nặng, mặc dù gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn về tài chính nhưng cũng đã cố gắng khắc phục hậu quả; bị cáo thể hiện rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo là lao động chính trong gia đình và là người dân tộc ít người nên nhận thức về pháp luật còn thấp; ông nội của bị cáo là người có công với cách mạng. Vì bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên căn cứ vào Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999 đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo Phan Văn B thấp hơn mức hình phạt quy định tại Khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo B được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự thì đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại.

Kiểm sát viên tranh luận với người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa: Những tình tiết giảm nhẹ của người bào chữa đưa ra cho bị cáo cũng đã được Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng. Mặc dù người bị hại có sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông nhưng tai nạn xảy ra vẫn là lỗi hoàn toàn do bị cáo B. Do đó, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên mức đề nghị về hình phạt như đã nêu ở trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại ông Cao Văn Đ trình bày: Ông Đ với ông Q là người cùng quê. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 16/01/2016, ông Đ điều khiển xe mô tô biển số 69NH-0638 theo hướng từ vòng xoay cây xăng K về xã H thì thấy ông Q đang đi bộ về nhà trọ nên ông Đ có chở ông Nguyễn Văn Q về nhà. Khi điều khiển xe thì ông Đ đã uống khoảng 03 đến 04 ly rượu (vì ông Đ làm thợ hồ). Sau khi chạy được vài trăm mét thì xảy ra va chạm. Sau khi tai nạn xảy ra ông Đ bị thương nặng nên không biết sự việc xảy ra sau đó. Tại phiên tòa ông Cao Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền nêu trên. Ngày 27/9/2017 bị cáo đã giao cho ông Đ số tiền 5.000.000 đồng, số tiền 10.000.000 đồng còn lại hai bên thỏa thuận khấu trừ vào số tiền Phan Văn B đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2013/01973 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Sự việc xảy ra ngoài ý muốn nên ông Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B. Đối với xe mô tô biển số 69NH-0638, số máy VLFNB050A0106411, số khung A1006411 do ông Trần Văn M đứng tên giấy đăng ký xe, ông M đã bán xe này cho ông Cao

Văn Đ nhưng chỉ giao giấy đăng ký xe mà không làm thủ tục mua bán theo quy định. Vì vậy, ông Đ đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Đ nhận lại xe để gia đình có phương tiện đi lại.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Văn Q là ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông Nguyễn Văn Q có cha là Nguyễn Văn M, mẹ là Cao Thị N, có vợ là Lê Thị L. Ông Q và bà L có 02 người con là Nguyễn Minh K và Lê Văn V. Ông Q không có cha mẹ nuôi và không có con riêng, con nuôi. Tại phiên Tòa ông Nguyễn Văn M và bị cáo Phan Văn B đã thống nhất bị cáo Phan Văn B phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) Phan Văn B đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2013/01983 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên. Bị cáo B còn phải bồi thường cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Q số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Sự việc xảy ra ngoài ý muốn nên ông Mững đại diện gia đình xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B.

Trong lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Tai nạn xảy ra là sự việc không mong muốn, sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả đối với gia đình người bị hại. Hiện tại bị cáo đang phải nuôi cha mẹ già và điều trị chấn thương sau tai nạn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về nhà lao động nuôi gia đình và chăm sóc cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo là đúng thẩm quyền. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Ngày 16/01/2016, bị cáo Phan Văn B điều khiển xe mô tô biển số 36K5-002.42 không đảm bảo an toàn, lấn trái gây tai nạn với xe mô tô biển số 69NH-0638 lưu thông ngược chiều gây hậu quả nghiêm trọng làm ông Nguyễn Văn Q chết và ông Cao Văn Đ bị thương tích với tỷ lệ thương tật 28%.

Khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: “Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”.

Điều 202 của Bộ luật hình sự thì: “1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a) Không có giấy phép hoặc bằng lái xe theo quy định”.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi vô ý. Bị cáo tham gia giao thông nhưng không có giấy phép lái xe, không đi đúng làn đường, phần đường quy định và vượt xe không đảm bảo an toàn là vi phạm quy định tại Khoản 9 Điều 8, Khoản 1 Điều 9 và Khoản 2 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ. Do đó, hành vi của bị cáo Phan Văn B đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng số 115/QĐ-KSĐT ngày 24/8/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Điểm a Khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội với lỗi vô ý; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khắc phục hậu quả và được người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo là lao động chính trong gia đình; gia đình bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trong diện vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (Vùng 135); bản thân bị cáo cũng bị thương tích nặng và phải điều trị sau tai nạn xảy ra. Như vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, đặc biệt trong tình hình hiện nay Nhà nước ta đang tăng cường triển khai thi hành Luật Giao thông đường bộ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm

nhẹ như nêu trên. Bị cáo là người dân tộc Mường. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giảm một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Lời trình bày của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo Phan Văn B thấp hơn mức hình phạt quy định tại Khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo B được hưởng án treo là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

+ Người bị hại ông Cao Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Ngày 27/9/2017 bị cáo đã giao cho ông Đ số tiền 5.000.000 đồng, số tiền 10.000.000 đồng còn lại hai bên thỏa thuận khấu trừ vào số tiền Phan Văn B đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2013/01973 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, phù hợp với Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

+ Ông Nguyễn Văn M là người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 150.000.000 đồng; bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của người bị hại. Hai bên thỏa thuận khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) Phan Văn B đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2013/01983 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Bị cáo B còn phải bồi thường cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Q số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, phù hợp với Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với vật chứng là 01 (một) xe mô tô biển số 36K5-002.42, số máy 5C6K122164, số khung DY122164 do Phan Văn B đứng tên giấy đăng ký xe. Vì bị cáo thực hiện hành vi với lỗi vô ý nên cần trả lại xe cho bị cáo Bắc.

Đối với 01 (một) xe biển số mô tô xe mô tô biển số 69NH-0638, số máy VLFNB050A0106411, số khung A1006411 do ông Trần Văn M đứng tên giấy đăng ký xe không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho ông Cao Văn Đ.

[9] Về kiến nghị: Hội đồng xét xử thấy không có văn bản hành chính hoặc hành vi hành chính nào của cơ quan nhà nước vi phạm nên không kiến nghị.

[10] Về việc xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo B để đảm bảo cho việc thi hành án.

[11] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm đ Khoản 2 Điều 12; Điểm a Khoản 1 Điều 23 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Phan Văn B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại các xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn B phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 202; Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phan Văn B 03 (ba) năm tù; thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt để thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự, tuyên xử:

+ Bị cáo Phan Văn B phải bồi thường cho ông ông Cao Văn Đ số tiền 15.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng (đã giao ngày 27/9/2017) và số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) Phan Văn B đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2013/01973 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Bị cáo B đã thực hiện xong nghĩa vụ với ông Cao Văn Đ.

+ Bị cáo Phan Văn B phải bồi thường cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Q (do ông Nguyễn Văn M đại diện) số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) Phan Văn B đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2013/01983 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Bị cáo Phan Văn B còn phải bồi thường cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Q (do ông Nguyễn Văn M đại diện) số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Phan Văn B chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Trả lại cho bị cáo Phan Văn B 01 (một) xe mô tô biển số 36K5-002.42, số khung DY122164, số máy 5C6K122164 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

- Trả lại cho ông Cao Văn Đ 01 (một) xe mô tô biển số 69NH-0638, số máy VLFNB050A0106411, số khung A1006411 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T)

5. Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 và Điểm đ Khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

5.1. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phan Văn B phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

5.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phan Văn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Công an thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Người tham gia tố tụng (04);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền